|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /2020/QĐ-UBND | *Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2020* |

**(Dự thảo)**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định phân cấp công tác quản lý đê điều cho các cấp**

**và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11/5/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân.*

*Căn cứ Quyết định số 1009/QĐ-BNN-TCTL ngày 07/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phân loại, phân cấp đê trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;*

*Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số /SNN-TL ngày /…./2020; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số /BC-STP ngày /……/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc phân cấp công tác quản lý đê điều cho các cấp và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2**. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày /5/2020 và thay thế Quyết định số 41/2009/QĐ-UNND ngày 11/12/2009 của UBND tỉnh về quy định phân cấp công tác quản lý đê điều cho các cấp và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân; Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 41/2009/QĐ-UNND ngày 11/12/2009 của UBND tỉnh về quy định phân cấp công tác quản lý đê điều cho các cấp và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân.

**Điều 3.**Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh; Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Bộ Nông nghiệp và PTNT;  - Website Chính phủ;  - Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;  - Thường trực Tỉnh uỷ;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;  - Phó VP/UBND tỉnh (theo dõi NL);  - Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;  - Lưu: VT, NL1; | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Trần Tiến Hưng** |

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Phân cấp công tác quản lý đê điều cho các cấp**

**và tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh***(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày / /2020* *của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Đê điều được phân cấp quản lý, bảo vệ ở Quy định này gồm: Đê ngăn nước lũ hoặc nước biển; kè bảo vệ đê; công trình tưới, tiêu qua đê và công trình phụ trợ; ngoài ra còn bao gồm các tuyến kè bảo vệ bờ sông, bờ biển.

**Điều 2. Nguyên tắc phân cấp**

1. Các tuyến đê cấp I, cấp II, cấp III (bao gồm công trình phụ trợ trừ cống qua đê): Giao lực lượng quản lý đê chuyên trách (thuộc biên chế Chi cục Thủy lợi) quản lý. Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã có đê đi qua phải tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân phối hợp với lực lượng quản lý đê chuyên trách quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê.

2. Đối với các cống dưới đê cấp I, cấp II, cấp III thực hiện nhiệm vụ tưới, tiêu qua đê giao các Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thủy lợi hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có cống đi qua trực tiếp quản lý. Các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thủy lợi và tổ chức thủy lợi cơ sở (đối với cống do huyện quản lý) sử dụng lực lượng của mình để quản lý mà không thành lập thêm lực lượng quản lý đê Nhân dân.

3. Các tuyến đê cấp IV, cấp V (bao gồm cả cống dưới đê và các công trình phụ trợ khác) và các tuyến kè độc lập phân cấp cho các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện) có đê, kè, cống quản lý (Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) có có đê, kè, cống hoặc các đơn vị được quy định trong Quyết định này trực tiếp quản lý, bảo vệ.

**Chương II**

**NỘI DUNG PHÂN CẤP**

**Điều 3. Quản lý tuyến đê La Giang (đê cấp II)**

-Chi cục Thủy lợi trực tiếp quản lý bảo vệ 19,2 km đê La Giang (đê cấp II) đoạn từ K0+00 đến K19+200, thuộc địa bàn các xã: Tùng Ảnh, thị trấn Đức Thọ,

Bùi La Nhân, Yên Hồ (huyện Đức Thọ) và phường Trung Lương (thị xã Hồng Lĩnh).

- Ủy bân nhân dân huyện Đức Thọ phối hợp Chi cục Thủy lợi quản lý, bảo vệ 15,6 km đê La Giang (đê cấp II) đoạn từ K0+00 đến K15+600.

- Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Lĩnh phối hợp với Chi cục Thủy lợi quản lý, bảo vệ 3,6 km đê La Giang (đê cấp II) đoạn từ K15+600 đến K19+200.

*(Chi tiết cụ thể như Phụ lục 1 kèm theo)*

**Điều 4. Quản lý cống dưới đê La Giang (đê cấp II)**

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh quản lý các cống: Cầu Ngục (K0+060), cầu Khống (K6+350), Đức Xá (K8+000), trạm bơm Đức Diên (K11+625), Quy Vượng (K13+880), Trung Lương (K16+213) và trạm bơm Lam Hồng (K19+200).

- Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ quản lý cống Đức Nhân (Km 9+730).

*(Chi tiết cụ thể như Phụ lục 2 kèm theo)*

**Điều 5. Quản lý các tuyến đê cấp IV, cấp V và các tuyến kè độc lập**

1. Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ trực tiếp quản lý, bảo vệ 4,3 km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Trường Sơn (đê cấp V) từ K0+00 đến K3+800 dài 3,8 km;

b) Đê Rú Tý (đê cấp IV) từ K0+00 đến K0+500 dài 0,5 km;

c) Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Trường Sơn - Liên Minh; Thị trấn Đức Thọ; Lạc - Hòa; Đức Lạc; Kênh Tàng - Linh Cảm; Tùng Châu; Đức Châu; Đức Quang và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Lĩnh trực tiếp quản lý, bảo vệ tuyến kè Bình Lạng và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn

3. Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn trực tiếp quản lý, bảo vệ 12,2 km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Tân Long (đê cấp IV) từ K0+00 đến K12+200 dài 12,2km (gồm 02 tuyến, tuyến 1 dài 12km và tuyến 2 dài 0,2km);

b) Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Sơn Long; Sơn Tân; Sơn Mỹ; Sơn Thịnh; Sơn Hà; Sơn Ninh; Sơn Bằng; Sơn Trung; Phố Châu; Sơn Giang; Sơn Tây; Tây Sơn; Kim An; Sơn Kim 1; Sơn Kim 2 và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

4. Ủy ban nhân dân huyện Vũ Quang trực tiếp quản lý, bảo vệ 0,3km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Lỗ Lò (đê cấp V) từ K0+00 đến K0+300 dài 0,3 km;

b) Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Ân Phú; Đức Lĩnh; Đức Hương; Đức Liên; thị trấn Vũ Quang và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

5. Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân trực tiếp quản lý, bảo vệ 35,58km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Hữu Lam (đê cấp IV) từ K0+00 đến K7+800 dài 7,8km;

b) Đê Hội Thống (đê cấp IV) từ K0+00 đến K17+800 dài 17,8km. Đối với đoạn đê trùng đê bao âu trú bão Cửa Hội; UBND huyện Nghi Xuân giao Ban Quản lý các cảng cá Hà Tĩnh trực tiếp quản lý, bảo vệ;

c) Đê Đá Bạc - Đại Đồng (đê cấp V) từ K0+00 đến K2+230 dài 2,23km;

d) Đê Song Nam (đê cấp V) từ K0+00 đến K2+150 dài 2,15km;

đ) Đê Bàu Dài (đê cấp V) từ K0+00 đến K2+200 dài 2,2km;

e) Đê Đồng Cói (đê cấp V) từ K0+00 đến K3+400 dài 3,4km;

g) Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Xuân Giang; Xuân Hải và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

6. Ủy ban nhân dân huyện Can Lộc trực tiếp quản lý, bảo vệ 28km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Tả Nghèn (đê cấp IV) từ K0+00 (cống Đồng Huề) đến K15+00 (xã Tùng Lộc) dài 15km;

b) Đê Hữu Nghèn (đê cấp IV) từ K0+00 (cống Đồng Mỹ) đến K13+00 (cầu Già) dài 13km;

c) Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Đập Đình và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

7. Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà trực tiếp quản lý, bảo vệ 38,3km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Hữu Nghèn (đê cấp IV) từ K13+00 (cầu Già) đến K32+00 (cầu Cày) dài 19km;

b) Đê Hữu Phủ (đê cấp IV) từ K3+500 (giáp xã Thạch Bình, thành phố Hà Tĩnh) đến K22+800 (núi Nam Giới, xã Đỉnh Bàn) dài 19,3km;

c) Tuyến kè bảo vệ bờ sông Cày và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

8. Ủy ban nhân dân huyện Lộc Hà trực tiếp quản lý, bảo vệ 44,9km đê Tả Nghèn (đê cấp IV) từ K15+00 đến K59+900 dài 44,9km. Đối với đoạn đê đi qua khu du lịch Vinpearl; UBND huyện Lộc Hà giao cho Công ty cổ phần Vinpearl Cửa Sót trực tiếp quản lý, bảo vệ;

9. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tĩnh trực tiếp quản lý, bảo vệ 33,8km đê, gồm:

a) Đê Trung Linh (đê cấp IV) từ K0+00 đến K4+00 dài 4,0km;

b) Đê Đồng Môn (đê cấp IV) từ K0+00 đến K23+400 dài 23,4km;

c) Đê Hữu Phủ (đê cấp IV) từ K0+00 (cầu Phủ) đến K3+500 (xã Thạch Bình) dài 3,5km;

d) Đê Cầu Phủ - Cầu Nủi (đê cấp IV) từ K0+00 đến K2+900 dài 2,9km;

10. Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên trực tiếp quản lý, bảo vệ 40,54km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Cẩm Trung (đê cấp V) từ K0+00 đến K11+00 dài 11,0km;

b) Đê Phúc - Long - Nhượng (đê cấp V) từ K0+00 đến K12+840 dài 12,84km. Đối với đoạn đê trùng đê bao âu trú bão Cửa Nhượng; UBND huyện Cẩm Xuyên giao Ban Quản lý các cảng cá Hà Tĩnh trực tiếp quản lý, bảo vệ;

c) Đê Lộc - Hà (đê cấp V) từ K0+00 đến K8+500 dài 8,5km;

d) Đê Cẩm Lĩnh (đê cấp V) từ K0+00 đến K3+00 dài 3,0km;

đ) Đê Cẩm Nhượng (đê cấp V) từ K0+00 đến K2+200 dài 2,2km;

g) Đê 19/5 (đê cấp V) từ K0+00 đến K3+00 dài 3,0km;

h) Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: sông Hội; sông Rác; Thiên Cầm và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

11. Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh trực tiếp quản lý, bảo vệ 28,7km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Khang Ninh (đê cấp V) từ K0+00 đến K6+500 (giáp xã Kỳ Ninh) dài 6,5km;

b) Đê Kỳ Thọ (đê cấp V) từ K0+00 đến K10+800 dài 10,8km;

c) Đê Hải - Hà - Thư (đê cấp V) từ K0+00 đến K3+00; K9+00 đến K12+700 (xã Kỳ Hải) và từ K12+700 đến K17+400 (xã Kỳ Thư) dài 11,4km;

d) Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Kè sông Trí và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

12. Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh trực tiếp quản lý, bảo vệ 30,0km đê và các tuyến kè, gồm:

a) Đê Khang Ninh (đê cấp V) từ K6+500 đến K15+00 dài 8,5km;

b) Đê Hải - Hà - Thư (đê cấp V) từ K3+00 đến K9+00 (xã Kỳ Hà) dài 6,0km;

c) Đê Hoàng Đình (đê cấp V) từ K0+00 đến K6+500 dài 6,5km;

d) Đê Hòa Lộc (đê cấp V) từ K0+00 đến K5+800 dài 5,8km;

đ) Đê Minh Đức (đê cấp V) từ K0+00 đến K3+200 dài 3,2km;

e) Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: sông Trí; sông Vịnh và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

13. Ủy ban nhân dân huyện Hương Khê trực tiếp quản lý, bảo vệ các tuyến kè, gồm:

Các tuyến kè bảo vệ bờ sông: Hương Trạch; Phúc Trạch; Điền Mỹ; Hòa Hải; Hương Vĩnh; Gia Phố; Lộc Yên và các tuyến kè được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

*(Chi tiết cụ thể như Phụ lục 3 và Phụ lục 4 kèm theo)*

**Chương III**

**CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ ĐÊ NHÂN DÂN**

**Điều 4. Tiêu chuẩn, cơ cấu tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân**

1. Nhân viên quản lý đê nhân dân phải có đủ sức khỏe; có đạo đức, phẩm chất tốt; có trách nhiệm, tâm huyết; có trình độ văn hóa tối thiểu tốt nghiệp trung học cơ sở và có hiểu biết về pháp luật, ưu tiên bố trí các lực lượng hiện đang là thôn trưởng, công an viên kiêm nhiệm hoặc là quân nhân xuất ngũ, các đối tượng tinh giản biên chế của các cơ quan nhà nước do sáp nhập.

2. Việc thành lập lực lượng quản lý đê nhân dân đảm bảo nguyên tắc sau:

- Xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là xã) có tổng số đê và kè dưới 03 km thì bố trí 01 nhân viên.

- Đối với các xã có tổng số đê và kè từ 03 km trở lên có thể thành lập tổ quản lý đê nhân dân, cụ thể: xã có tổng số đê và kè từ 03 km đến dưới 06 km thì bố trí 02 nhân viên; xã có tổng số đê và kè từ 06 km đến dưới 09 km thì bố trí 03 nhân viên; xã có tổng số đê và kè từ 09km đến dưới 12km thì bố trí 4 nhân viên; xã có tổng số đê và kè từ 12km đến dưới 15km thì bố trí 5 nhân viên).

3. Số lượng: Toàn tỉnh bố trí 189 nhân viên (*Chi tiết có Phụ lục 5, Phụ lục 6 kèm theo*). Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tính chất, mức độ của từng công trình để bố trí nhân lực nhưng không quá 1,5 lần số lượng được giao và chủ động bố trí nguồn kinh phí hợp pháp để chi trả cho lực lượng ngoài số lượng đã quy định.

4. Uỷ ban nhân dân tỉnh uỷ quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập lực lượng quản lý đê nhân dân, không thuộc biên chế nhà nước, hoạt động bán chuyên trách, được tổ chức theo địa bàn cấp xã và được gọi là “Lực lượng quản lý đê nhân dân” đảm bảo tiêu chuẩn, nguyên tắc và số lượng quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

5. Lực lượng quản lý đê nhân dân hoạt động dưới sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã và hướng dẫn về mặt chuyên môn, kỹ thuật của cơ quan chuyên môn cấp huyện và Hạt quản lý đê chuyên trách (nếu có).

**Điều 5. Nhiệm vụ nhân viên quản lý đê nhân dân.**

1. Chấp hành sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp xã và hướng dẫn về mặt chuyên môn, kỹ thuật của cơ quan chuyên môn cấp huyện và Hạt Quản lý đê chuyên trách (nếu có).

2. Phối hợp với Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã và lực lượng chuyên trách quản lý đê điều trong việc thường xuyên kiểm tra, tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều thuộc địa bàn, tham gia xử lý sự cố đê điều và các công trình trên đê;

3. Kiểm tra, phát hiện, báo cáo kịp thời tình trạng đê điều, các diễn biến hư hỏng, sự cố đê điều và các công trình trên đê;

4. Phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm luật về đê điều;

5. Lập biên bản và kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm công trình đê điều.

6. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đê điều, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về đê điều.

7. Tham gia với chính quyền cấp xã và cơ quan chuyên môn xây dựng phương án hộ đê, phòng, chống lụt, bão và trực tiếp sửa chữa nhỏ các hư hỏng nguy hiểm đê điều khi cần thiết.

8. Tham gia quản lý và bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê như: điếm canh đê; vật tư dự trữ chống lũ, lụt, bão; biển báo đê điều; cột chỉ giới; cây chắn sóng bảo vệ đê và các công trình phụ trợ khác.

9. Nhân viên quản lý đê nhân dân khi làm nhiệm vụ phải đeo băng đỏ có chữ “QLĐND” màu vàng trên cánh tay trái.

**Điều 6. Quy định về chế độ và nội dung báo cáo.**

1. Nhân viên quản lý đê nhân dân có trách nhiệm báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp xã định kỳ một tháng hai lần vào ngày 01 và ngày 15 hàng tháng và báo cáo đột xuất khi cần thiết về tình hình vi phạm pháp luật về đê điều, tình trạng đê điều, các công trình phòng, chống, lụt bão, tình trạng vật tư dự trữ phòng chống lũ, lụt, bão trên địa bàn được giao (nếu có).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra và tổng hợp báo cáo của các nhân viên quản lý đê nhân dân, báo cáo cơ quan chuyên môn cấp huyện và Hạt Quản lý đê chuyên trách, mỗi tháng một lần vào ngày 03 hàng tháng và khi khẩn cấp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo trực tiếp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

3. Nhân viên quản lý đê nhân dân khi làm nhiệm vụ, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đê điều hoặc hư hỏng, sự cố đê điều phải bằng mọi cách nhanh chóng báo cáo Ủy ban nhân dân hoặc Ban chỉ huy phòng chống lụt bão cấp xã và cơ quan chuyên môn đê điều để tiến hành xử lý kịp thời;

4. Nội dung văn bản báo cáo khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đê điều hoặc hư hỏng, sự cố đê điều và các công trình trên đê:

a) Thời gian phát hiện vi phạm hoặc hư hỏng, sự cố đê điều;

b) Vị trí, mức độ, đặc điểm, kích thước, diễn biến vi phạm hoặc hư hỏng, sự cố đê điều, đề xuất biện pháp xử lý;

5. Trường hợp phát hiện vi phạm hoặc hư hỏng, sự cố nguy hiểm có nguy cơ đe dọa đến an toàn đê điều, phải có biện pháp ngăn chặn kiên quyết và báo cáo gấp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; cơ quan chuyên môn cấp huyện và Chi cục Thủy lợi tỉnh để triển khai các biện pháp xử lý kịp thời.

**Điều 7. Nguồn kính phí và chế độ chính sách đối với nhân viên quản lý đê nhân dân.**

1. Nhân viên quản lý đê nhân dân được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê hàng năm.

2. Nhân viên quản lý đê nhân dân được trang bị bảo hộ lao động khi làm nhiệm vụ (sổ sách ghi chép, áo mưa, ủng, mũ cứng, đèn pin, dụng cụ lao động cần thiết) và được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước trong trường hợp bị tai nạn khi làm nhiệm vụ.

3. Nhân viên quản lý đê nhân dân được hưởng chế độ thù lao bán chuyên trách, mức thù lao được hưởng bằng 0,5 mức lương cơ sở. Mức thù lao được thay đổi theo mức lương cơ sở khi cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh mức lương cơ sở.

Kinh phí để chi trả thù lao cho lực lượng Quản lý đê nhân dân hàng năm được ghi là một hạng mục riêng trong dự toán ngân sách các cấp (tỉnh, huyện) đảm bảo đủ kinh phí chi trả cho lực lượng Quản lý đê nhân dân trên địa bàn.

4. Nguồn kinh phí chi trả cho lực lượng quản lý đê nhân dân được phân bổ theo 2 cấp ngân sách đảm bảo: cấp tỉnh 50%, cấp huyện 50%.

**Chương IV**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP VÀ CÁC NGÀNH**

**Điều 8. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có đê**

1. Uỷ ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về đê điều được quy định tại khoản 2, Điều 43 Luật đê điều đối với các tuyến đê, kè được phân cấp quản lý.

b) Quyết định thành lập lực lượng quản lý đê nhân dân trên địa bàn cấp xã theo đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Hướng dẫn Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi có đê, tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân; hướng dẫn hoạt động và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng này;

d) Chỉ đạo phòng chức năng của huyện phối hợp với Hạt Quản lý đê hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành đê điều, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân;

đ) Báo cáo Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ghi dự toán ngân sách tỉnh hàng năm để chi trả cho lực lượng trên địa bàn. Tham mưu Hội đồng nhân dân cấp huyện bố trí dự toán ngân sách cấp huyện hàng năm để chi trả thù lao cho lực luợng quản lý đê nhân dân.Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn Uỷ ban nhân dân cấp xã về việc chi trả thù lao và các chế độ chính sách khác đối với lực lượng quản lý đê nhân dân.

e) Phòng chuyên môn cấp huyện có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chế độ báo cáo đột xuất khi cần và báo cáo định kỳ 1 tháng 1 lần vào ngày 20 hàng tháng cho cơ quan quản lý đê điều cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê

a) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về đê điều trên địa bàn theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật đê điều.

b) Lựa chọn lực lượng đảm bảo tiêu chuẩn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lậpquản lý đê nhân dân thuộc địa bàn.

c) Trực tiếp ký hợp đồng, đánh giá, nghiệm thu công việc, chi trả thù lao và xử lý cắt hợp đồng khi không hoàn thành nhiệm vụ đối với các nhân viên quản lý đê nhân dân trên địa bàn.

d) Trực tiếp quản lý và điều hành lực lượng quản lý đê nhân dân hoạt động có hiệu quả và bảo vệ đê điều an toàn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước cấp trên và pháp luật về tình hình thực hiện nhiệm vụ của lực lượng quản lý đê Nhân dân trên địa bàn xã.

**Điều 9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đê để triển khai tổ chức, hướng dẫn hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân.

2. Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi: Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân; Chỉ đạo Hạt quản lý đê chuyên trách phối hợp với lực lượng quản lý đê nhân dân trong việc thường xuyên kiểm tra, tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều thuộc địa bàn, tham gia xử lý sự cố đê điều.

**Điều 10. Sở Tài chính.**

Tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí dự toán ngân sách hàng năm theo quy định để chi trả thù lao cho lực lượng quản lý đê nhân dân đối với các huyện có đê, kè; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế chính sách đối với công tác quản lý, bảo vệ đê điều.

**Điều 11. Sở Kế hoạch và Đầu tư.**

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí ngân sách hàng năm để duy tu, bão dưỡng và xây dựng, nâng cấp hệ thống đê, kè trên địa bàn tỉnh.

**Điều 12. Các Sở, Ngành liên quan**

Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Công an tỉnh và các Sở, Ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nghiêm túc quy định này nhằm quản lý, bảo vệ đê điều an toàn, bền vững.

**Điều 13.** **Tổ chức thực hiện**

Quy định này được thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh; quá trình thực hiện có gì khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Tĩnh để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Trần Tiến Hưng** |